

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2023
“V/v Ly hôn giữa chị N và anh HA”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị N**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Trần HA**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Thị N trình bày như sau:

Chị Trần Thị N (gọi tắt chị N) và anh Trần HA (gọi tắt anh HA) chung sống với nhau vào năm 2002 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/9/2002 theo quy định.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn làm cho đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh HA có tính ghen tuông và nhiều lần có hành vi bạo lực đánh đập chị N, đã có lần bị thương tích phải đi viện để điều trị. Sự việc mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có hiệu quả. Hiện nay chị N không dám về nhà chung sống với chồng vì luôn sợ bị chồng theo dõi và đánh đập.

Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục đời sống vợ chồng nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh HA.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có ba người con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 01/11/2002, Trần Thị Ngọc P, sinh ngày 19/11/2010 và Trần Ngọc Huỳnh N1, sinh ngày 27/8/2017, khi ly hôn chị N xin được quyền nuôi con chung cháu Trần Thị Ngọc P và Trần Ngọc Huỳnh N1, không yêu cầu anh HA cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung của vợ chồng: Chị Ng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Trần HA vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Trần Thị Ngọc P, sinh ngày 19/10/2010 có nguyện vọng được sống với cha anh HA sau khi cha mẹ ly hôn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Trần HA đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh HA; về con chung giao cháu Trần Ngọc Huỳnh N1,

sinh ngày 27/8/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Ngọc P, sinh ngày 19/11/2010 cho anh HA tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Trần HA đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh HA.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị N yêu cầu ly hôn với anh HA và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị N và anh HA chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị N và anh HA đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh HA có tính ghen tuông và có hành vi bạo lực gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm, trong thời gian ly thân cả hai vợ chồng không còn sự quan tâm tới cuộc sống của nhau và không thể hàn gắn hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N đều xin được ly hôn. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh HA.

Về con chung: Chị N và anh HA có ba người con chung cháu Trần Minh T, sinh ngày 01/11/2002 (đã trưởng thành và phát triển bình thường) nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng. Đối với cháu Trần Thị Ngọc P, sinh ngày 19/11/2010 và Trần Ngọc Huỳnh N1, sinh ngày 27/8/2017, từ khi anh chị ly thân cháu Trần Ngọc Huỳnh N1 sống với chị N có cuộc sống ổn định hiện tại chị N có thu nhập để nuôi dưỡng con, còn cháu Trần Thị Ngọc P sống với anh HA và có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Ngọc Huỳnh N1, sinh ngày 27/8/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Ngọc P, sinh ngày 19/11/2010 cho anh HA nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung của vợ chồng: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nàng là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần HA.

2. Về con chung:

Đối với Trần Minh T, sinh ngày 01/11/2002 (Đã trưởng thành và phát triển bình thường) nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng.

Giao cháu Trần Ngọc Huỳnh N1, sinh ngày 27/8/2017 cho chị Trần Thị N tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Giao cháu Trần Thị Ngọc P, sinh ngày 19/11/2010 cho anh Trần HA tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003617 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm